

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **569/2025/DS-PT**

Ngày: 23/5/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Kim Dung

Bà Phạm Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Huỳnh Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 176/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2293/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1830/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5357/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 6448/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T; sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: B19.1 Khu C, đường N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Y; sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số A đường C, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Trí T2, là Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Có mặt.

3. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị Ái L; sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số E đường A, Tổ F, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn – Bà Võ Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2023, các bản khai, biên bản làm việc và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn- Ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ngày 04/6/2022, ông và bà Võ Thị Y có lập Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm với nội dung như sau: Ông T cho bà Y vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỉ đồng), vay không lãi, thời hạn vay là 04 tháng tính từ ngày 04/6/2022 đến ngày 04/10/2022.

Ngay sau khi hai bên ký kết Hợp đồng vay tiền, ông T đã giao đủ số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Y. Việc giao nhận tiền được thể hiện qua Giấy giao nhận tiền được ký cùng ngày 04/6/2022. Khi giao nhận tiền có bà Lê Thị Ái L chứng kiến và ký tên xác nhận.

Khi hết thời hạn vay theo Hợp đồng vay tiền đã ký kết, bà Y không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông T. Ông T nhiều lần liên hệ, nhưng bà Y hứa hẹn hết lần này đến lần khác, đến nay vẫn không trả tiền. Hành vi vay tiền rồi không trả của bà Y đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông T.

Nay, ông T yêu cầu bà Y trả ngay cho ông 1.041.500.000 đồng, gồm: Số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 04/10/2022 đến ngày 04/3/2023 là 41.500.000 đồng.

Tiền cho bà Y vay là tài sản riêng của ông T, không phải tài sản chung của vợ chồng.

** Trong trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn- Bà Võ Thị Y trình bày:*

Ông Nguyễn Thành T kiện bà về việc vay 1.000.000.000 (Một tỉ đồng). Việc vay này chỉ ký trên giấy tờ, bà không nhận tiền từ ông T cả trên phương diện giao dịch chuyển khoản cũng như tiền mặt. Việc bà viết giấy vay nợ ông T 1.000.000.000 đồng là một trong những mắt xích của một sự việc lừa đảo do bà Lê Thị Ái L chủ mưu.

Bà và gia đình đang là chủ sở hữu của thửa đất số: 231 (Chưa được cấp Giấy phép quyền sử dụng đất) và thửa số: 84, tờ bản đồ số: 32, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Bà L khẳng định với bà rằng ông T là một thiền sư, hiện ông T đang sống với bà L như vợ chồng. Khi còn là thiền sư, ông T làm phong thủy

cho một số lãnh đạo cao cấp ở Đồng Nai, ông T quen biết thân thiết với cán bộ địa chính nên có thể giúp bà làm giấy tờ cho thửa 231 rất nhanh. Bà L nói rằng, theo thông tin bà nắm rõ thì thửa đất số 84 nằm trong diện quy hoạch giải tỏa trắng. Còn thửa đất số 231, ông Nguyễn Đức T3, người đã bán thửa đất ấy cho vợ chồng bà, đang bí mật làm giấy tờ. Nếu ông T3 có sổ đỏ, đem bán cho người khác thì bà mất đất, có đi kiện thưa thì mất rất nhiều thời gian, tiền bạc. Bà L nói rằng giá trị của hai thửa đất số 231 và 84 lúc đó khoảng 15 tỉ đồng. Bà L sẽ nhờ địa chính làm ra sổ xong cho thửa 231 thì họ mua luôn cả hai thửa. Vì cần gấp rút làm giấy tờ nên tiền dịch vụ gửi cho cán bộ địa chính là 05 tỉ đồng, bà và gia đình còn lại 10 tỉ đồng. Ông T hiện có trong tài khoản từ 05 đến 06 tỉ đồng nên sẽ cho bà mượn để làm giấy tờ. Vì sợ mất đất và muốn có tiền lo cho con học ở N, bà đã nghe lời bà L dụ dỗ làm giấy tờ theo sự hướng dẫn của bà L.

Ngày 04/6/2022, bà và các con đến Văn phòng C (Đồng Nai) được bà L cùng nhân viên phòng công chứng hỗ trợ làm thủ tục, đề các con bà ủy quyền cho bà làm giấy tờ. Bà L còn đưa cho bà một tờ giấy, đọc cho bà viết nội dung nợ ông T 1.000.000.000 đồng, bà hỏi bà L tại sao bà phải viết giấy nợ? Bà L nói đây là số tiền bước đầu ứng cho cán bộ địa chính làm giấy tờ. Bà bảo, đã thỏa thuận làm giấy tờ xong, bán được đất 15 tỉ đồng thì trích lại 05 tỉ đồng trả cho địa chính. Bà L nói: “viết giấy chỉ để cho yên tâm”.

Sau sự việc này, vào ngày 20/6/2022, bà L đã đưa mẹ con bà và em gái bà là bà Võ Thị Kim O (là người đại diện pháp lý cho con gái bà là Nguyễn Võ Kim K, sinh năm 2007) đến Văn phòng C ký bản Hợp đồng sang nhượng thửa đất số 84 cho ông Nguyễn Thành Đ, cháu ruột của ông T với số tiền 02 tỉ đồng. Sau đó, bà L giải thích số tiền 02 tỉ đồng này là số tiền bà phải trả cho cán bộ địa chính giai đoạn hai.

Bà L đọc cho bà viết tờ giấy vay nợ ông T 1.000.000.000 đồng, ký hợp đồng sang nhượng với ông Đ thửa đất số 84 là ký không, để bà L “nắm đầu chuỗi”, tránh việc sau khi làm xong giấy tờ bà không chịu bán đất hoặc không chịu trả tiền dịch vụ làm giấy tờ cho cán bộ địa chính. Hiện bà có Giấy cam kết do ông Đ ghi rõ nội dung và ký tên. Theo nội dung đã thể hiện thì ông Đ tham gia ký bản Hợp đồng sang nhượng với bà là vì làm theo ý của bà L, cuộc mua bán chỉ là hình thức.

Thực tế, bà L và ông T đã dối gạt bà về khả năng làm nhanh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của thửa 231. Văn phòng C1 đã trả lại hồ sơ vào ngày 16/6/2022. Thay vào đó, bà L đã làm thủ tục chuyển quyền sở hữu của thửa 84 mang tên ông Nguyễn Cảnh T4 sang tên bà Võ Thị Y và Nguyễn Võ Kim K. Bà không hề biết việc này (Hồ sơ khi được ký, bà L dùng tay che hết, không cho bà đọc). Từ đó, bà L đã chỉ đạo làm thủ tục sang nhượng với ông Đ.

Vào ngày 09/8/2022, bà L tự tiện xây rào, làm cổng trên thửa đất số 231 cũng thuộc sở hữu của bà. Ngày 24/8/2022, bà L chỉ đạo cho ông T kêu người chặt bán 500 cây cao su gia đình bà trồng đã thu hoạch được 06 năm. Chặt chuối, chặt tre trên thửa đất số 84 hiện bà đang sở hữu. Bà và gia đình đã báo cáo chính quyền, công an nhiều lần. Ủy ban đã lập biên bản, nhưng ông T và bà

L vẫn xâm nhập gia cư bất hợp pháp, đưa người lạ vào ở. Ông T và bà L còn dẫn người vào xem đất để bán. Khi ra ngăn cản, ông T và bà L đã hành hung, đánh bà và em gái bà tên là Võ Thị Kim O bị đa chấn thương phần mềm. Việc này hiện Công an huyện L đóng tại xã B đang thụ lý hồ sơ.

Do thiếu hiểu biết về luật đất đai và quy định pháp luật về thừa kế, sau khi chồng bà là ông Nguyễn Cảnh T4 chết, bà đã bị bà L, ông T lừa đảo, lấy hết giấy tờ gốc của hai thửa đất số 231 và thửa 84. Bà đã phải ký khống giấy tờ mượn nợ số tiền 1.000.000.000 đồng, thực hiện thủ tục chuyển tên khống trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó, để cho bà L và ông T thực hiện hành vi chiếm đoạt, phá hoại tài sản, hăm dọa sát hại. Bà khẳng định là bà không nhận bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến các giao dịch vay mượn và chuyển nhượng đất với các cá nhân Nguyễn Thành T, Lê Thị Ái L và Nguyễn Thành Đ.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T vì không có cơ sở.

** Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người làm chứng- Bà Lê Thị Ái L trình bày:*

Bà là bạn thân với bà Y. Thông qua bà thì bà Y biết ông T. Khi bà Y cần vay tiền, ông T cho bà Y vay 1.000.000.000 đồng, bà chứng kiến quá trình vay tiền và ký tên người làm chứng trên giấy giao nhận tiền ngày 04/6/2022 giữa bà Y và ông T tại Văn phòng C ở Đồng Nai, việc bà Y ghi nhận tiền ở Thành phố Hồ Chí Minh thì bà không để ý.

** Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, người làm chứng-Ông Nguyễn Thành Đ trình bày:*

Ông không biết nội dung vay tiền giữa bà Y và ông T, nghe bà Y kể thì ông biết vậy. Ông đề nghị được vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2293/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Thành T.

Buộc bà Võ Thị Y trả ngay cho ông Võ Thành Thông S tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 41.500.000 đồng; tổng cộng là 1.041.500.000đ (Một tỉ không trăm bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, bị đơn – bà Võ Thị Y kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 2293/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác so với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp tại Tòa cấp sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Bị đơn-Bà Võ Thị Y trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm số 2293/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh vì việc ký giấy nợ chỉ là ký khống để trả tiền làm dịch vụ đất, thực tế bà Y không nhận số tiền 1 tỷ đồng từ ông T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Trí T2 Nguyên đơn – ông Nguyễn Thành T trình bày:

Tòa cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không tôn trọng sự thật khách quan của vụ án:

- Không thu thập tài, liệu chứng cứ tại Văn phòng C về việc trích xuất camera tại quầy giao dịch và tầng hầm Văn phòng công chứng Trần Đình K1 vào lúc 12 giờ 30 ngày 04/6/2022 để chứng minh có việc giao nhận tiền giữa ông T và bà Y hay không.

- Không triệu tập các con bà Y gồm: Nguyễn Vũ Ngọc K2, Nguyễn Ngọc An K3 và Nguyễn Võ Kim K và ông Nguyễn Thanh Đ1 với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ về việc có việc nhận tiền 1 tỷ đồng giữa ông T và bà Y vì lúc đó ông Nguyễn Thành T5 và các con bà Y cũng có mặt tại Văn phòng C.

- Tòa cấp sơ thẩm không xem xét đến hồ sơ tranh chấp mà Tòa án nhân dân Quận 1 đang thụ lý giải quyết số 30/2023 về tranh chấp Thừa kế, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến việc bà L, ông T gian dối cập nhật biến động sang tên trái pháp luật tài sản của bà Y và liên quan đến 1 tỷ đồng mà ông T cho bà Y vay là giả cách làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

** Nguyên đơn-ông Nguyễn Thành T trình bày:* Nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:

Về Đơn kháng cáo của bị đơn: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận.

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 2293/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị đơn – bà Võ Thị Y trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: *Xét kháng cáo của bị đơn-bà Võ Thị Y*

[2.1] *Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng.*

Căn cứ Hợp đồng vay tiền không có bảo đảm lập Ngày 04/6/2022 giữa ông T và bà Y thể hiện bên A (ông T) cho bên B (bà Y) vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng); thời hạn vay 04 tháng, tính từ ngày 04/6/2022 đến ngày 04/10/2022; vay không lãi; mục đích vay để kinh doanh; địa điểm, phương thức giao, trả số tiền vay do hai bên tự thỏa thuận.

Căn cứ Giấy giao nhận tiền lập ngày 04/6/2022 do bà Y viết tay thể hiện ngày 04/6/2022, bà Y có nhận số tiền 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng) của ông Nguyễn Thành T, sẽ trả vào tháng 10/2022. Đồng thời có chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị Ái L là người làm chứng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Y xác nhận chữ ký, dấu vân tay, chữ viết tên Võ Thị Y phần Bên B (Bên vay) tại “Hợp đồng vay tiền không có bảo đảm” lập ngày 04/6/2022 là của bà Y. Chữ viết tay tại Giấy giao nhận tiền lập ngày 04/6/2022, chữ viết tên Võ Thị Y và chữ ký bên “Người nhận tiền” là chữ viết và chữ ký của bà Võ Thị Y. “Hợp đồng vay tiền không có bảo đảm” và “Giấy giao nhận tiền được lập tại Văn phòng C, địa chỉ: B Chợ mới L, khu C, thị trấn L, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, bà Y trình bày bà chỉ ký không chứ thực tế thì bà không được nhận số tiền này. Lời trình bày của bà Y không được ông T thừa nhận, bà Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác (ngoài các tài liệu, chứng cứ giao nộp trong hồ sơ vụ án) để chứng minh cho việc bà Y không nhận tiền của ông T hoặc có nhận nhưng đã trả. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm buộc bà Y phải trả cho ông Thông số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng là có cơ sở. Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày Tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: không yêu cầu Văn phòng C trích xuất camera tại quầy giao dịch và tăng hàm vào lúc 12 giờ 30 ngày 04/6/2022, Không triệu tập các con bà Y gồm: Nguyễn Vũ Ngọc K2, Nguyễn Ngọc An K3 và Nguyễn Võ Kim K với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không xem xét đến hồ sơ tranh chấp mà Tòa án nhân dân Quận 1 đang thụ lý giải quyết số 30/2023 về tranh chấp Thừa kế liên quan đến 1 tỷ đồng mà ông T cho bà Y vay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa cấp sơ thẩm đã yêu cầu Văn phòng C cung cấp toàn bộ dữ liệu trích xuất từ camera ngày 04 tháng 6 năm 2022 tại Văn phòng C, địa chỉ: B Chợ mới L, khu C, thị trấn L, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, Tại văn bản số: 450/CV-VPCC.TĐK ngày 25/12/2023 gửi cho Tòa án, Văn phòng C xác nhận dữ liệu từ ngày 04/6/2022 không còn trên hệ thống. Các con bà Y gồm: Nguyễn Vũ Ngọc K2, Nguyễn Ngọc An K3 và Nguyễn Võ Kim K không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp giữa ông T và bà Y nên Tòa cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng qui định pháp luật. Vụ án tranh chấp về thừa kế mà Tòa án nhân dân Quận 1 đang thụ lý giải quyết thụ lý số 30/2023 là tranh chấp khác, không liên quan đến quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản nêu trên. Do đó, lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[3.2] Về yêu cầu của ông Nguyễn Thành T về việc yêu cầu bà Võ Thị Y trả ngay tiền lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/3/2024 là 41.500.000 đồng;

X “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm” ngày 04/6/2022 các bên thỏa thuận thời hạn vay không lãi tính từ ngày 04/6/2022 đến ngày 04/10/2022. Bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T yêu cầu tính lãi tháng theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 41.500.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoảng thời gian từ ngày 06/3/2023 đến nay ông T không yêu cầu bà Y trả tiền lãi là có lợi cho bà Y. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T về việc buộc bà Y trả cho ông Thông số tiền lãi 41.500.000 đồng là có cơ sở. Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn-bà Võ Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.245.000đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn-ông Võ Thành T6 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do kháng cáo của bà Y không được chấp nhận.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Y, Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 2293/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn-bà Võ Thị Y. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 2293/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn-bà Võ Thị Y; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 2293/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T.

Buộc bà Võ Thị Y trả ngay cho ông Võ Thành Thông S tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 41.500.000 đồng; tổng cộng là 1.041.500.000 đồng (Một tỉ không trăm bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí :

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.245.000đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Ông Võ Thành T6 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T6 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 21.622.500đ (Hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0003220 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Y đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037940 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Dung

**Phạm Thị Thanh
Trúc**

Nguyễn Thị Thoa



Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Q.1, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.1, TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục Thi hành án TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Nguyễn Thị Thoa



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**